



MASAN GROUP

8th Floor, Central Plaza, 17 Le Duan Street,
District 1, Ho Chi Minh City, Viet Nam.

Phone : (+84 8) 6256 3862

Facsimile : (+84 8) 3827 4115

Web: www.masangroup.com

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con

Báo cáo tài chính quý cho giai đoạn sáu
tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký No
Kinh doanh số**

0303576603

ngày 20 tháng 10 năm 2010

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là ngày 20 tháng 10 năm 2010. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần đầu tiên số 4103002877 được cấp ngày 18 tháng 11 năm 2004.

Hội đồng Quản trị

Tiến sĩ Nguyễn Đăng Quang
Ông Hồ Hùng Anh
Bà Nguyễn Hoàng Yến
Ông Nguyễn Thiều Nam
Ông Madhur Maini
Ông Lars Kjaer

Chủ tịch
Phó Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Trụ sở đăng ký

Phòng 802, Central Plaza
17 Lê Duẩn
Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			30/6/2011 Triệu VNĐ	31/12/2010 Triệu VNĐ	30/6/2011 Triệu VNĐ	31/12/2010 Triệu VNĐ
TÀI SẢN						
Tài sản ngắn hạn	100		9.052.011	4.626.838	2.692.148	1.636.159
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	7.277.576	3.394.575	1.233.428	1.037.261
Tiền	111		667.057	1.155.118	31.512	1.037.261
Các khoản tương đương tiền	112		6.610.519	2.239.457	1.201.916	-
Đầu tư ngắn hạn	120	10	700.000	490.000	700.000	-
Các khoản phải thu	130		566.502	314.209	745.167	592.463
Phải thu khách hàng	131		80.966	64.125	-	-
Trả trước cho người bán	132		199.148	83.966	1.432	4.692
Phải thu khác	135		287.372	166.823	743.735	587.771
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(984)	(705)	-	-
Hàng tồn kho	140	5	433.863	290.200	-	-
Hàng tồn kho	141		476.878	296.547	-	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(43.015)	(6.347)	-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		74.070	137.854	13.553	6.435
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		14.877	10.131	1.845	262
Thuế GTGT được khấu trừ	152		50.096	118.872	11.328	5.877
Thuế và các khoản khác phải thu						
Nhà nước	154		-	2	-	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		9.097	8.849	380	296
Tài sản dài hạn	200		17.777.979	16.502.700	19.514.083	18.672.990
Tài sản cố định	220		8.641.770	8.261.999	1.139	2.039
Tài sản cố định hữu hình	221	6	567.515	561.229	947	251
<i>Nguyên giá</i>	222		833.671	777.268	1.087	269
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(266.156)	(216.039)	(140)	(18)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	7	-	11.686	-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	16.871	-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	(5.185)	-	-
Tài sản cố định vô hình	227	8	73.458	72.564	192	219
<i>Nguyên giá</i>	228		88.915	85.882	234	234
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(15.457)	(13.318)	(42)	(15)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	9	8.000.797	7.616.520	-	1.569
Đầu tư dài hạn	250	10	8.971.580	8.099.909	19.490.421	18.661.978
Đầu tư vào các công ty con	251		-	-	10.557.997	10.557.997
Đầu tư vào công ty liên kết	252		8.971.580	8.099.909	8.932.424	8.103.981
Tài sản dài hạn khác	260		164.629	140.792	22.523	8.973
Chi phí trả trước dài hạn	261		91.471	70.771	20.056	8.730
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		46.709	49.154	-	-
Tài sản dài hạn khác	268		23.175	17.295	2.467	243
Lợi thế thương mại	269	11	3.274	3.572	-	-
TỔNG TÀI SẢN	270		26.829.990	21.129.538	22.206.231	20.309.149

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			30/6/2011 Triệu VNĐ	31/12/2010 Triệu VNĐ	30/6/2011 Triệu VNĐ	31/12/2010 Triệu VNĐ
NỢ PHẢI TRẢ	300		7.656.333	8.981.050	4.326.344	3.138.393
Nợ ngắn hạn	310		1.612.133	3.224.917	2.317.804	1.180.433
Vay và nợ ngắn hạn	311		601.538	1.124.674	2.000.000	-
Phải trả khách hàng	312		299.459	443.583	97	20.728
Người mua trả tiền trước	313		26.643	7.997	-	-
Thuế phải nộp Nhà nước	314	12	154.396	152.842	2.929	1.360
Phải trả nhân viên	315		24.506	5.395	-	27
Chi phí phải trả	316	13	510.911	502.838	314.752	175.667
Phải trả khác	319	14	2.654	985.440	26	982.651
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		(7.974)	2.148	-	-
Vay và nợ dài hạn	330		6.044.200	5.756.133	2.008.540	1.957.960
Vay và nợ dài hạn	334		5.288.959	5.000.560	2.008.540	1.957.960
Nợ thuế thu nhập hoãn lại	335		751.021	751.021	-	-
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	15	4.220	4.552	-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		14.624.691	10.623.685	17.879.887	17.170.756
Vốn chủ sở hữu	410		14.624.691	10.623.685	17.879.887	17.170.756
Vốn cổ phần	411	16	5.152.723	5.152.723	5.152.723	5.152.723
Thặng dư vốn cổ phần	412	16	2.166.136	2.166.136	2.166.136	2.166.136
Vốn khác của chủ sở hữu	413	17	10.462.804	9.651.713	10.462.804	9.651.713
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(19.473)	3.189	-	-
Vốn khác	419		(6.499.856)	(9.062.082)	-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420		3.362.357	2.712.006	98.224	200.184
LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		4.548.966	1.524.803	-	-
TỔNG NGUỒN VỐN	440		26.829.990	21.129.538	22.206.231	20.309.149

Người lập:

Lahal

Tạ Thị Thùy Trang
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Đic



Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Tập đoàn

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/4/2011 đến 30/6/2011 Triệu VNĐ	Từ 1/4/2010 đến 30/6/2010 Triệu VNĐ	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 Triệu VNĐ	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 Triệu VNĐ
Tổng doanh thu	01	18	1.539.315	1.225.513	2.878.255	2.122.054
Các khoản giảm trừ	02		(26.611)	(8.673)	(39.629)	(42.837)
Doanh thu thuần	10		1.512.704	1.216.840	2.838.626	2.079.217
Giá vốn hàng bán	11		(899.776)	(686.730)	(1.658.592)	(1.226.483)
Lợi nhuận gộp	20		612.928	530.110	1.180.034	852.734
Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	283.013	71.023	469.904	136.382
Chi phí tài chính	22	20	(55.466)	(47.058)	(194.765)	(96.674)
Chi phí bán hàng	24		(208.762)	(187.001)	(384.890)	(374.228)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(98.290)	(34.346)	(141.346)	(58.028)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		533.423	332.728	928.937	460.186
Kết quả của các hoạt động khác	40					
Thu nhập khác	31	21	-	2.752	7.187	5.785
Chi phí khác	32	22	(1.527)	(5.584)	(8.113)	(8.469)
Lợi nhuận từ công ty liên kết	41	23	5.446	8.822	43.228	21.937
Lợi nhuận trước thuế	50		537.342	338.718	971.239	479.439
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	24	(104.363)	(24.233)	(149.402)	(39.240)
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52		2.087	6.275	2.087	5.076
Lợi nhuận thuần	60		435.066	320.760	823.924	445.275
Phân bổ cho:						
Cổ đông thiểu số	61		122.533	80.971	173.573	108.806
Cổ đông vốn chủ sở hữu của Công ty	62		312.533	239.789	650.351	336.469
Lãi trên cổ phiếu						
Lãi cơ bản trên cổ phiếu bằng VNĐ	70	25	606	494	1.262	693

Người lập:

Lahal

Tạ Thị Thùy Trang
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Eric



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

Tập đoàn

	Mã số	Thuyết minh	Giả định Từ 1/4/2011 đến 30/6/2011 Triệu VNĐ	Giả định Từ 1/4/2010 đến 30/6/2010 Triệu VNĐ	Giả định Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 Triệu VNĐ	Giả định Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 Triệu VNĐ
Tổng doanh thu	01		1.539.315	1.225.513	2.878.255	2.122.054
Các khoản giảm trừ	02		(26.611)	(8.673)	(39.629)	(42.837)
Doanh thu thuần	10		1.512.704	1.216.840	2.838.626	2.079.217
Giá vốn hàng bán	11		(899.776)	(686.730)	(1.658.592)	(1.226.483)
Lợi nhuận gộp	20		612.928	530.110	1.180.034	852.734
Doanh thu hoạt động tài chính	21		283.013	71.023	469.904	136.382
Chi phí tài chính	22		(55.466)	(47.058)	(194.765)	(96.674)
Chi phí bán hàng	24		(208.762)	(187.001)	(384.890)	(374.228)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(98.290)	(34.346)	(141.346)	(58.028)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		533.423	332.728	928.937	460.186
Kết quả của các hoạt động khác	40					
Thu nhập khác	31		-	2.752	7.187	5.785
Chi phí khác	32		(1.527)	(5.584)	(8.113)	(8.469)
Lợi nhuận từ công ty liên kết	41		149.542	111.502	331.373	229.624
Lợi nhuận trước thuế	50		681.438	441.398	1.259.384	687.126
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51		(104.363)	(24.233)	(149.402)	(39.240)
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52		2.087	6.275	2.087	5.076
Lợi nhuận thuần	60		579.162	423.440	1.112.069	652.962
Phân bổ cho:						
Cổ đông thiểu số	61		122.533	80.971	173.573	108.806
Cổ đông vốn chủ sở hữu của Công ty	62		456.629	342.469	938.496	544.156
Lãi trên cổ phiếu						
Lãi cơ bản trên cổ phiếu bằng VNĐ	70		886	706	1.821	1.121

Số liệu giả định ở trên thể hiện kết quả hoạt động kinh doanh đã được bình thường hóa sau khi điều chỉnh báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn bằng cách áp dụng tỉ lệ lợi ích kinh tế hiện tại và cộng vào khấu hao lợi thế thương mại từ việc tái cấu trúc quyền sở hữu của Tập đoàn tại Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Kỹ Thương Việt Nam (“Techcombank”).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

Công ty

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/4/2011 đến 30/6/2011 Triệu VND	Từ 1/4/2010 đến 30/6/2010 Triệu VND	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 Triệu VND	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010 Triệu VND
Tổng doanh thu	01		-	-	-	-
Các khoản giảm trừ	02		-	-	-	-
Doanh thu thuần	10		-	-	-	-
Giá vốn hàng bán	11		-	-	-	-
Lợi nhuận gộp	20		-	-	-	-
Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	71.291	39.915	158.286	76.093
Chi phí tài chính	22	20	(90.742)	(23.050)	(195.270)	(46.675)
Chi phí bán hàng	24		-	-	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(57.230)	(2.897)	(64.945)	(6.230)
(Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(76.681)	13.968	(101.929)	23.188
Kết quả của các hoạt động khác	40					
Thu nhập khác	31	21	-	-	-	-
Chi phí khác	32	22	(31)	-	(31)	-
Lợi nhuận từ công ty liên kết	41	23	-	-	-	-
(Lỗ)/lợi nhuận trước thuế	50		(76.712)	13.968	(101.960)	23.188
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51		-	-	-	-
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52		-	-	-	-
(Lỗ)/lợi nhuận thuần	60		(76.712)	13.968	(101.960)	23.188

Người lập:

Lahel

Tạ Thị Thùy Trang
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Tập đoàn	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Vốn khác	Quỹ khen thưởng và phúc lợi	Lợi nhuận chưa phân phối	Vốn thuộc chủ sở hữu của công ty	Lợi ích cổ đông thiểu số	Tổng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	4.853.998	1.421.817	-	-	(1.947.256)	(1.178)	434.707	4.762.088	307.451	5.069.539
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	-	336.469	336.469	108.806	445.275
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	3.669	(3.669)	-	-	-
Sử dụng quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(2.491)	-	(2.491)	(933)	(3.424)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2010	4.853.998	1.421.817	-	-	(1.947.256)	-	767.507	5.096.066	415.324	5.511.390

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

<u>Tập đoàn</u>	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Vốn khác	Quỹ khen thưởng và phúc lợi	Lợi nhuận chưa phân phối	Vốn thuộc chủ sở hữu của công ty	Lợi ích cổ đông thiểu số	Tổng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	5.152.723	2.166.136	9.651.713	3.189	(9.062.082)	-	2.712.006	10.623.685	1.524.803	12.148.488
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	-	650.351	650.351	173.573	823.924
Tăng lợi ích cổ đông thiểu số do công ty con phát hành cổ phiếu	-	-	-	-	2.562.226	-	-	2.562.226	2.850.590	5.412.816
Phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu	-	-	811.091	-	-	-	-	811.091	-	811.091
Chênh lệch tỷ giá hối đoái trong công ty con	-	-	-	(22.662)	-	-	-	(22.662)	-	(22.662)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2011	5.152.723	2.166.136	10.462.804	(19.473)	(6.499.856)	-	3.362.357	14.624.691	4.548.966	19.173.657

Người lập:

Lahad

Tạ Thị Thùy Trang
 Kế toán trưởng



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011
(tiếp theo)

Công ty

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	4.853.998	1.421.817	-	176.047	6.451.862
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	23.188	23.188
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2010	4.853.998	1.421.817	-	199.235	6.475.050
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	5.152.723	2.166.136	9.651.713	200.184	17.170.756
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	(101.960)	(101.960)
Phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu	-	-	811.091	-	811.091
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2011	5.152.723	2.166.136	10.462.804	98.224	17.879.887

Người lập:

Lahal

Tạ Thị Thùy Trang
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Fic



Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

	Mã số	Tập đoàn		Công ty		
		Thuyết minh	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010
			Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH						
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	01		971.239	479.439	(101.960)	23.188
Điều chỉnh cho						
Khấu hao và phân bổ	02		58.762	50.671	4.805	-
Các khoản dự phòng	03		55.503	(12.729)	-	-
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	04		28.690	-	28.690	-
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	05		9	803	-	-
Thu nhập lãi tiền gửi	05		(451.474)	(130.875)	(147.827)	(75.847)
Chi phí lãi vay	06		159.688	86.654	162.663	46.675
Lợi nhuận từ công ty liên kết	07		(43.228)	(21.937)	-	-
Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		779.189	452.026	(53.629)	(5.984)
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(369.046)	(76.758)	(23.418)	(25.664)
Biến động hàng tồn kho	10		(198.887)	(103.928)	-	-
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11		(861.914)	(1.444)	(1.002.238)	3.412
			(650.658)	269.896	(1.079.285)	(28.236)
Tiền lãi vay đã trả	13		(116.073)	(39.812)	(23.053)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(118.155)	(66.290)	-	-
Tiền thuần (chi cho)/thu từ các hoạt động kinh doanh	20		(884.886)	163.794	(1.102.338)	(28.236)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011
(tiếp theo)

	Mã số	Tập đoàn		Công ty	
		Thuyết minh	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011	Từ 1/1/2010 đến 30/6/2010
		Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ					
Tiền chi mua tài sản cố định và các tài sản trả trước dài hạn khác	21	(469.798)	(179.917)	(15.231)	-
Tiền chi đầu tư ngắn hạn	22	(700.000)	-	(700.000)	-
Tiền chi đầu tư vào công ty liên kết	23	(17.352)	-	(17.352)	-
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	-	2.433	-	-
Khoản vay cấp cho các bên liên quan	23	(715.000)	-	(136.840)	-
Tiền thu hồi các khoản vay từ các bên liên quan	23	715.000	-	97.651	-
Thu/(chi) tiền gửi có kỳ hạn	24	490.000	(35.000)	-	-
Tiền chi đầu tư cho công ty con và các đơn vị khác	26	-	-	-	(336)
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	333.873	81.290	48.388	14.586
Tiền thuần (chi cho)/thu từ hoạt động đầu tư	30	(363.277)	(131.194)	(723.384)	14.250

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	5.412.814	-	-	-
Tiền thu từ vay ngắn và dài hạn	33	190.176	609.932	2.000.000	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(493.724)	(786.041)	-	-
Tiền thuần thu từ/(chi cho) các hoạt động tài chính	40	5.109.266	(176.109)	2.000.000	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	3.861.103	(143.509)	174.278	(13.986)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	3.394.575	1.123.616	1.037.261	364.265
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	21.898	-	21.889	-
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	70	7.277.576	980.107	1.233.428	350.279

Người lập:

Lahad

Tạ Thị Thùy Trang
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là tư vấn quản lý và tư vấn đầu tư. .

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm của Công ty và các công ty con (dưới đây được gọi chung là “Tập đoàn”) và lợi ích của Tập đoàn trong một công ty liên kết.

Các hoạt động chính của các công ty con được mô tả dưới đây bao gồm:

Tên	Hoạt động chính	Phần trăm sở hữu tại	
		30/6/2011	31/12/2010
Công ty TNHH Một Thành viên Tư vấn Hoa Bằng Lăng	Tư vấn quản lý	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành viên Tư vấn Hoa Phong Lan	Tư vấn quản lý	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành Viên Tư Vấn Hoa Đồng Tiền	Tư vấn quản lý	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Thước Dực	Tư vấn quản lý	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại và Đầu tư Thái Nguyên	Tư vấn quản lý	100%	100%
Công ty Cổ phần Hàng Tiêu dùng Ma San	Kinh doanh và phân phối	76,5%	86,6%
Công ty Cổ phần Công nghiệp Ma San	Sản xuất nước chấm và mì ăn liền	76,5%	86,6%
Công ty Cổ phần Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến	Sản xuất nước chấm	76,5%	86,6%
Công ty Cổ phần Ma San HD	Sản xuất nước chấm và mì ăn liền	76,5%	86,6%
Công ty Cổ phần Ma San PQ	Sản xuất nước chấm	72,3%	81,8%
Công ty Cổ phần Bao bì Minh Việt	Sản xuất bao bì	76,5%	86,6%
Công ty Cổ Phần Tâm Nhìn Ma San	Tư vấn quản lý	100%	100%
Công ty Cổ Phần Tài Nguyên Ma San	Tư vấn quản lý	65%	80%
Công ty TNHH Một Thành Viên Tài Nguyên Ma San Thái Nguyên	Tư vấn quản lý	65%	80%
Công ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo	Khai thác quặng	65%	80%

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

Tất cả các công ty con được thành lập tại Việt Nam.

Phần trăm các lợi ích kinh tế phản ánh phần trăm các lợi ích kinh tế của Công ty trực tiếp và gián tiếp thực tế trong các công ty con.

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn và Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

(i) Cơ sở kế toán chung

Báo cáo tài chính trình bày bằng Đồng Việt Nam làm tròn tới hàng triệu (“Triệu VNĐ”), được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo tài chính, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(ii) Cơ sở hợp nhất

Hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung

Hợp nhất kinh doanh mà trong đó các công ty chịu sự kiểm soát chung bởi cùng một nhóm cổ đông (“Cổ đông Kiểm soát”) trước và sau khi hợp nhất phù hợp với định nghĩa hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung vì có sự nối tiếp rủi ro và quyền lợi của Cổ đông Kiểm soát. Hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung này đặc biệt nằm ngoài phạm vi của Chuẩn mực kế toán số 11- *Hợp nhất kinh doanh* và trong sự chọn lựa chính sách kế toán liên quan đến các giao dịch này, Tập đoàn đã cân nhắc Chuẩn mực kế toán số 01- *Chuẩn mực chung* và Chuẩn mực kế toán số 21- *Trình bày báo cáo tài chính*. Dựa trên các chuẩn mực này, Tập đoàn đã áp dụng cơ sở kế toán sáp nhập (“nguyên tắc mang sang toàn bộ”). Tài sản và nợ phải trả của các công ty được hợp nhất theo giá trị sổ sách hiện tại dưới khía cạnh nhìn nhận của Cổ đông Kiểm soát. Bất kỳ chênh lệch giữa chi phí mua và giá trị thuần của tài sản được sáp nhập được xem như là sự phân bổ vốn hoặc góp vốn giả định từ các cổ đông và được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty được hợp nhất như thể cấu trúc của tập đoàn hiện tại đã tồn tại xuyên suốt toàn bộ giai đoạn đề cập trong báo cáo này dưới góc độ của Cổ đông Kiểm soát (hoặc từ lúc các công ty được hợp nhất vào ngày sau ngày bắt đầu của kỳ báo cáo gần nhất, cho kỳ từ ngày hợp nhất đến hết ngày kết thúc kỳ báo cáo tương ứng). Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tập đoàn đã được trình bày để phản ánh tình trạng của các công ty được hợp nhất vào các ngày tương ứng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

Hợp nhất kinh doanh không chịu sự kiểm soát chung

Tất cả các hợp nhất kinh doanh không chịu kiểm soát chung được hạch toán bằng cách áp dụng phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà sự kiểm soát đã được chuyển giao cho tập đoàn. Sự kiểm soát là quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó. Khi xem xét sự kiểm soát, Tập đoàn phải xem xét quyền biểu quyết tiềm tàng mà có thể thực hiện được ở hiện tại.

Theo phương pháp mua, tài sản và các khoản nợ phải trả của công ty được mua sử dụng giá trị hợp lý khi hợp nhất. Giá mua bao gồm tổng giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn chủ sở hữu phát hành bởi Tập đoàn tại ngày trao đổi. Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của công ty được mua. Khoản chênh lệch âm, được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các chi phí giao dịch, ngoại trừ các chi phí liên quan đến việc phát hành công cụ nợ hoặc chứng khoán vốn, mà Tập đoàn phát sinh khi hợp nhất kinh doanh bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh, như chi phí trả cho tư vấn tài chính, tư vấn pháp lý, thẩm định viên về giá và các nhà tư vấn liên quan đến hợp nhất kinh doanh. Các chi phí giao dịch này được tính vào giá phí hợp nhất kinh doanh. Các chi phí quản lý chung và các chi phí khác không liên quan trực tiếp đến giao dịch hợp nhất kinh doanh cụ thể đang được ghi nhận thì không được tính vào chi phí mua, mà được ghi nhận là chi phí phát sinh trong kỳ.

(iii) Công ty con

Các công ty con là các công ty chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Sự kiểm soát này tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, có tính đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực đến ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(iv) Các công ty liên kết (các đơn vị nhận đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)

Các công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có sự ảnh hưởng đáng kể nhưng không kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của công ty. Sự ảnh hưởng đáng kể này được giả định tồn tại khi Tập đoàn nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết của một công ty khác. Các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu) trong báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Đầu tư vào các công ty liên kết của Tập đoàn bao gồm lợi thế thương mại được xác định tại thời điểm mua trừ đi hao mòn lũy kế của lợi thế thương mại. Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi được điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, kể từ ngày bắt đầu sự ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày kết thúc sự ảnh hưởng đáng kể. Khi phần sở hữu của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, thì giá trị ghi sổ của khoản đầu tư đó (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và Tập đoàn không phải tiếp tục ghi nhận các khoản lỗ phát sinh sau đó trừ khi Tập đoàn có nghĩa vụ phải thanh toán hay đã thanh toán thay cho đơn vị nhận đầu tư.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

(v) Lợi ích của cổ đông thiểu số

Việc mua lợi ích của cổ đông thiểu số sau khi kiểm soát hoặc chuyển nhượng cổ phần cho cổ đông thiểu số trong một công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát, phần chênh lệch giữa giá mua hoặc tiền thu được do chuyển nhượng và giá trị ghi sổ của tài sản thuần mua được hoặc chuyển nhượng tại ngày giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

(vi) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại công ty được đầu tư.

(b) Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(c) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VNĐ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VNĐ trong giai đoạn được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi các chênh lệch này liên quan đến hoạt động xây dựng các tài sản cố định hữu hình hay chuyển đổi các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong giai đoạn trước hoạt động của công ty con, khi đó các khoản chênh lệch này được ghi nhận vào Tài khoản Chênh lệch Tỷ giá Hối đoái thuộc nguồn vốn chủ sở hữu cho đến khi công ty con bắt đầu hoạt động và các tài sản cố định hữu hình này bắt đầu được đưa vào sử dụng. Khi công ty con bắt đầu hoạt động và các tài sản cố định hữu hình này bắt đầu được đưa vào sử dụng, các chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện có liên quan được kết chuyển toàn bộ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện được kết chuyển vào Tài khoản Doanh thu chưa thực hiện và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện được kết chuyển vào Tài khoản Trả trước dài hạn. Các khoản lãi và lỗ chưa thực hiện này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm năm.

(d) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao có thể dễ dàng chuyển đổi thành khoản tiền xác định trước, ít rủi ro về thay đổi giá trị và được giữ nhằm đáp ứng nhu cầu thanh toán ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

(e) Khoản đầu tư

Các khoản đầu tư bằng hình thức tiền gửi có kỳ hạn và công cụ nợ; khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị mà Tập đoàn không kiểm soát hoặc ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất; và các khoản đầu tư vào tất cả các công cụ vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính riêng được ghi nhận theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Giám đốc cho rằng việc giảm giá này không mang tính tạm thời. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi là do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này trong trường hợp không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(f) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(g) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị bằng với số thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí liên quan phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm tồn kho, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(h) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua của tài sản, bao gồm cả thuế nhập khẩu, các loại thuế đầu vào không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đi vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình tăng trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và cấu trúc	5-25 năm
▪ nâng cấp tài sản thuê	3-5 năm
▪ thiết bị văn phòng	3-6 năm
▪ máy móc và thiết bị	3-12 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3-6 năm

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

(i) Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tập đoàn đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi khấu hao lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 2(h).

(j) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua quyền sử dụng đất và toàn bộ các chi phí trực tiếp phát sinh liên quan đến việc đảm bảo quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng từ 40 đến 47 năm.

(ii) Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm vi tính này không là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng bốn năm.

(iii) Thương hiệu

Nguyên giá mua của thương hiệu được vốn hóa và ghi nhận như tài sản cố định vô hình. Thương hiệu được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm năm.

(k) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong và tài sản khoáng sản chưa khai thác. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Tài sản khoáng sản chưa khai thác bao gồm giá trị hợp lý của trữ lượng khoáng sản, các chi phí liên quan đến việc triển khai trữ lượng này đã phát sinh trong hợp nhất kinh doanh và các chi phí triển khai phát sinh sau này. Những tài sản này đủ điều kiện để được vốn hóa khi trữ lượng khoáng sản liên quan đã được chứng minh là có tính khả thi về lợi ích kinh tế và kỹ thuật. Những tài sản này ban đầu được ghi nhận theo giá trị hợp lý như một phần của giao dịch hợp nhất kinh doanh và các chi phí triển khai liên quan đến việc khai thác sau đó sẽ được vốn hóa sau khi cần trừ tiền thu về từ việc bán khoáng sản khai thác trong giai đoạn triển khai. Sau khi hoàn thành việc phát triển, thời điểm xác định là khi sản phẩm có thể bán bắt đầu được khai thác từ mỏ, tất cả các tài sản này được phân loại thành tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

(l) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí trước hoạt động

Chi phí trước hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, trừ các chi phí thành lập, cũng như các chi tiêu cho các hoạt động đào tạo, quảng cáo và khuyến mãi phát sinh từ ngày thành lập cho đến ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh. Các chi phí này được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn, được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá, và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm kể từ ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh.

(ii) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 47 đến 50 năm.

(iii) Công cụ, dụng cụ và trực in

Công cụ, dụng cụ và trực in được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn sử dụng từ sáu tháng đến hai năm.

(iv) Chi phí vay

Chi phí hình thành khoản cho vay liên quan đến các khoản vay dài hạn và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian vay.

(m) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc hợp nhất kinh doanh không chịu sự kiểm soát chung do mua lại công ty con, công ty liên kết và công ty liên doanh.

Lợi thế thương mại được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Khi kế toán các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(n) Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được phản ánh theo nguyên giá.

(o) Dự phòng

Dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc nghĩa vụ tiềm tàng đang hình thành có thể ước tính một cách tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh được sự đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của đồng tiền và những rủi ro cụ thể với khoản nợ phải trả đó.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

(p) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của giai đoạn bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp khoản thuế thu nhập phát sinh liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, khi đó khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị xác định theo mục đích thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán dự kiến đối với giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận chịu thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn các lợi ích về thuế liên quan này sẽ được sử dụng.

(q) Vốn chủ sở hữu

(i) Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông được phân loại như vốn chủ sở hữu. Phần chênh lệch tăng do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là khoản giảm thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Vốn khác của chủ sở hữu

Công ty ký kết các thỏa thuận phát hành một số lượng cổ phiếu nhất định vào một ngày nhất định trong tương lai để mua các tài sản. Theo các thỏa thuận này, sẽ không tồn tại các thỏa thuận thay thế nào khác và các công cụ này sẽ không làm giảm các nguồn lực kinh tế của Tập đoàn và Công ty. Tập đoàn và Công ty xem xét các quy định kế toán hiện hành để xác định phương pháp hạch toán cho các công cụ này. Tập đoàn và Công ty cũng đã xem xét các quy định kế toán liên quan khác ở các vùng lãnh thổ khác và Thông tư số 210/2009/TT-BTC phát hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 có hiệu lực đối với các niên độ tài chính từ ngày 1 tháng 1 năm 2011. Theo các hướng dẫn và thông tư trên, các giao dịch này được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. Tập đoàn và Công ty không áp dụng sớm Thông tư 210. Tuy nhiên, dựa theo những hướng dẫn này, Tập đoàn và Công ty đã áp dụng chính sách kế toán đó để ghi nhận các công cụ này vào Vốn khác trong chủ sở hữu thuộc vốn chủ sở hữu để hạch toán kế toán đem lại tính so sánh và đồng nhất cho các báo cáo tài chính trong tương lai theo yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 1 – *Chuẩn mực chung*.

(iii) Vốn khác

Các biến động vốn chủ sở hữu do kết quả từ việc hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung và việc mua hoặc chuyển nhượng lợi ích cổ đông thiểu số được ghi nhận vào Vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

(r) Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(s) Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

(i) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi tiền gửi, lãi từ khoản cho vay, cổ tức, thu từ thanh lý các khoản đầu tư dài hạn khác và lãi chênh lệch tỷ giá. Lãi tiền gửi được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo cơ sở dồn tích. Cổ tức được ghi nhận là khoản thu nhập khi quyền nhận cổ tức của Công ty hoặc Tập đoàn được xác lập.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu được ghi nhận trước đây là thu nhập cổ tức theo mệnh giá của cổ phiếu thu được. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 244/2009/TT-BTC, yêu cầu cổ tức nhận bằng cổ phiếu không được ghi nhận là thu nhập. Việc thay đổi chính sách kế toán do những thay đổi về các quy định về kế toán không ảnh hưởng đáng kể đến báo cáo tài chính.

(ii) Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay và lỗ do chênh lệch tỷ giá. Chi phí lãi vay được ghi nhận là một chi phí trong giai đoạn khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản cố định hữu hình đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay phát sinh trong suốt thời gian hình thành tài sản cố định sẽ được vốn hóa như một phần của nguyên giá các tài sản cố định này.

(t) Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(u) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông trung bình lưu hành trong năm.

(v) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay có ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	<u>30/6/2011</u>	<u>31/12/2010</u>	<u>30/6/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	<u>Triệu VNĐ</u>	<u>Triệu VNĐ</u>	<u>Triệu VNĐ</u>	<u>Triệu VNĐ</u>
Tiền mặt	980	1.448	409	59
Tiền gửi ngân hàng	666.077	1.153.670	31.103	1.037.202
Các khoản tương đương tiền	6.610.519	2.239.457	1.201.916	-
	<u>7.277.576</u>	<u>3.394.575</u>	<u>1.233.428</u>	<u>1.037.261</u>

Bao gồm trong tiền và các khoản tương đương tiền của Tập đoàn và Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 có số ngoại tệ tương ứng xấp xỉ là 268.750 triệu VNĐ (31/12/2010: 532.095 triệu VNĐ) và 267.692 triệu VNĐ (31/12/2010: 527.493 triệu VNĐ).

4. Phải thu khác

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	<u>30/6/2011</u>	<u>31/12/2010</u>	<u>30/6/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	<u>Triệu VNĐ</u>	<u>Triệu VNĐ</u>	<u>Triệu VNĐ</u>	<u>Triệu VNĐ</u>
Phải thu từ Công ty Cổ phần Ma San – công ty mẹ				
Phi thương mại	187.005	109.561	166.995	109.561
Phải thu từ các công ty liên quan khác				
Phi thương mại	-	62	529.134	477.149

Khoản phải thu phi thương mại từ Công ty Cổ phần Ma San không được đảm bảo, không chịu lãi suất và được thu theo yêu cầu.

Khoản phải thu phi thương mại từ các công ty liên quan khác là khoản cho vay không được đảm bảo, chịu lãi suất năm là 15% và được thu theo yêu cầu.

5. Hàng tồn kho

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	<u>30/6/2011</u>	<u>31/12/2010</u>	<u>30/6/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	<u>Triệu VNĐ</u>	<u>Triệu VNĐ</u>	<u>Triệu VNĐ</u>	<u>Triệu VNĐ</u>
Hàng mua đang đi đường	25.765	40.210	-	-
Nguyên vật liệu	198.357	143.566	-	-
Công cụ và dụng cụ	836	392	-	-
Sản phẩm dở dang	26.267	54.965	-	-
Thành phẩm	225.653	57.414	-	-
	<u>476.878</u>	<u>296.547</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	<u>(43.015)</u>	<u>(6.347)</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
	<u>433.863</u>	<u>290.200</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011
(tiếp theo)

6. Tài sản cố định hữu hình

Tập đoàn

	Nhà cửa và cấu trúc	Nâng cấp tài sản thuê	Thiết bị văn phòng	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Tổng
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	182.597	6.648	23.026	547.103	17.894	777.268
Tăng trong kỳ	408	-	2.746	2.275	681	6.110
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	5.407	-	27	28.390	20	33.844
Thanh lý			(55)	-	(294)	(349)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	-	-	(110)	-	(110)
Phân loại từ tài sản cho thuê tài chính và tài sản cố định vô hình	-	-	37	14.901	1.970	16.908
Số dư cuối kỳ	188.412	6.648	25.781	592.559	20.271	833.671
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	23.567	2.168	9.061	170.584	10.659	216.039
Khấu hao trong kỳ	5.416	1.088	3.091	33.841	1.635	45.071
Thanh lý	-	-	(46)	-	(294)	(340)
Phân loại từ tài sản cho thuê tài chính và tài sản cố định vô hình	-	-	-	4.860	526	5.386
Số dư cuối kỳ	28.983	3.256	12.106	209.285	12.526	266.156
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	159.030	4.480	13.965	376.519	7.235	561.229
Số dư cuối kỳ	159.429	3.392	13.675	383.274	7.745	567.515

Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, Công ty đã mua thiết bị văn phòng có giá trị là 1.087 triệu VNĐ. (31/12/2010: 269 triệu VNĐ) Giá trị khấu hao trong giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 là 140 triệu VNĐ (31/12/2010: 18 triệu VNĐ). Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 là 947 triệu VNĐ (31/12/2010: 251 triệu VNĐ).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011
(tiếp theo)

7. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

Tập đoàn

	Máy móc và thiết bị Triệu VNĐ
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ	16.871
Phân loại lại sang tài sản cố định hữu hình	(16.871)
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	-
	<hr/>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	5.185
Khấu hao trong kỳ	201
Phân loại lại sang tài sản cố định hữu hình	(5.386)
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	-
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	11.686
Số dư cuối kỳ	-
	<hr/>

Các thiết bị sản xuất này được thuê bởi một công ty con, Công ty Cổ phần Công nghiệp Ma San, theo các hợp đồng thuê tài chính với Công ty Cho Thuê Tài chính Vietcombank, chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh. Vào cuối giai đoạn thuê của từng hợp đồng thuê, Công ty Cổ phần Công nghiệp Masan có quyền lựa chọn mua lại các thiết bị này theo giá ưu đãi. Thiết bị thuê này được dùng để bảo đảm cho nghĩa vụ thanh toán tiền thuê.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011
(tiếp theo)

8. Tài sản cố định vô hình

Tập đoàn

	Quyền sử dụng đất Triệu VNĐ	Phần mềm vi tính Triệu VNĐ	Nhãn hiệu Triệu VNĐ	Tổng Triệu VNĐ
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	77.611	7.525	746	85.882
Tăng trong kỳ	-	2.205	-	2.205
Chuyển từ/(đến) chi phí trả trước dài hạn	-	1.254	(201)	1.053
Phân loại lại sang tài sản cố định hữu hình	-	(37)	-	(37)
Giảm khác	(188)	-	-	(188)
Số dư cuối kỳ	77.423	10.947	545	88.915
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	10.066	2.934	318	13.318
Khấu hao trong kỳ	846	1.272	55	2.173
Chuyển từ/(đến) chi phí trả trước dài hạn	-	37	(71)	(34)
Số dư cuối kỳ	10.912	4.243	302	15.457
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	67.545	4.591	428	72.564
Số dư cuối kỳ	66.511	6.704	243	73.458

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, quyền sử dụng đất với giá trị ghi sổ là 39.310 triệu VNĐ (31/12/2010: 39.856 triệu VNĐ) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, Công ty mua phần mềm vi tính với trị giá 234 triệu VNĐ (31/12/2010: 234 triệu VNĐ). Giá trị khấu hao trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 là 42 triệu VNĐ (31/12/2010: 15 triệu VNĐ). Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 là 192 triệu VNĐ (31/12/2010: 219 triệu VNĐ).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011
(tiếp theo)

9. Xây dựng cơ bản dở dang

	Tập đoàn 30/6/2011 Triệu VND	Công ty 30/6/2011 Triệu VND
Số dư đầu kỳ	7.616.520	1.569
Tăng trong kỳ	428.463	-
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(33.844)	-
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(10.342)	(1.569)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	8.000.797	-

10. Các khoản đầu tư

	Tập đoàn		Công ty	
	30/6/2011 Triệu VND	31/12/2010 Triệu VND	30/6/2011 Triệu VND	31/12/2010 Triệu VND
Đầu tư dài hạn				
Đầu tư vào công ty con	-	-	10.557.997	10.557.997
Đầu tư vào công ty liên kết	8.971.580	8.099.909	8.932.424	8.103.981
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	8.971.580	8.099.909	19.490.421	18.661.978
Đầu tư ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	-	490.000	-	-
Đầu tư vào các công cụ nợ	700.000	-	700.000	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	700.000	490.000	700.000	-

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con của Công ty như sau:

Tên	30/6/2011 Triệu VND	31/12/2010 Triệu VND
Công ty Cổ phần Hàng Tiêu dùng Ma San	8.400.824	8.400.824
Công ty TNHH Một Thành viên Tư vấn Hoa Bằng Lăng	516.600	516.600
Công ty TNHH Một Thành viên Tư vấn Hoa Phong Lan	441.200	441.200
Công ty Cổ Phần Tầm Nhìn Ma San	1.199.373	1.199.373
	<hr/>	<hr/>
	10.557.997	10.557.997

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

Vào ngày 17 tháng 12 năm 2010, một nhà đầu tư đã ký kết một thỏa thuận với Công ty Cổ Phần Tài Nguyên Ma San ("MR") để đầu tư khoản tiền VNĐ tương đương 100 triệu Đô la Mỹ cho cổ phiếu phổ thông phát hành mới của MR, đại diện cho 20% quyền sở hữu. Giao dịch này được kết thúc vào ngày 16 tháng 3 năm 2011. Trong giao dịch này, Công ty Cổ Phần Tầm Nhìn Ma San ("MHC") đầu tư 487.500 triệu VNĐ trong MR cho cổ phiếu phổ thông phát hành mới với mức giá đầu tư ngang giá. Kết quả là, quyền sở hữu của Tập đoàn trong MR bị suy giảm từ 80% xuống 65%. Công ty cũng cấp cho một nhà đầu tư một quyền chọn bán để bán 20% quyền sở hữu trong MR cho Công ty để đổi lấy cổ phiếu của Công ty nếu MR không được niêm yết trên một sàn giao dịch được quốc tế công nhận trong vòng 4,5 năm sau ngày giao dịch kết thúc. Số lượng cổ phiếu được phát hành trong trường hợp quyền chọn bán được thực hiện sẽ được tính dựa trên giá giao dịch của cổ phần của Công ty và số cổ phiếu này cho phép các nhà đầu tư đạt được mức tỷ suất sinh lời nội bộ hàng năm là 15%.

Đầu tháng 1 năm 2011, khoản đầu tư vào công ty liên kết phản ánh 28.74% lợi ích vốn chủ sở hữu trực tiếp của Công ty vào Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam ("Techcombank"). Vào ngày 10 tháng 1 năm 2011, Công ty đã ký hợp đồng mua 2.834.402 trái phiếu từ các trái chủ khác và sẽ chuyển đổi các trái phiếu trên sang cổ phiếu phổ thông của Techcombank một cách bắt buộc và không thể hủy ngang. Việc mua bao gồm 17.352 triệu VNĐ, trả trong vòng sáu tháng, và một hợp đồng phát hành 10.814.545 cổ phiếu mới của Công ty trong vòng 18 tháng bắt đầu từ ngày 10 tháng 1 năm 2011. Kết quả là, Tập đoàn đã tăng lợi ích kinh tế thực tế trong Techcombank lên 30,84%.

Vào ngày 7 tháng 04 năm 2011, một nhà đầu tư đã ký kết thỏa thuận với Tập đoàn để đầu tư khoản tiền tương đương 159 triệu đô la Mỹ cho 10% cổ phần vào Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San ("MSC"). Ngoài ra, MSC còn phát hành thêm 2.614.380 cổ phần mới cho nhân viên. Kết quả là quyền sở hữu của Tập đoàn vào MSC đã bị suy giảm từ 86.6% xuống còn 76.5%.

Vào ngày 9 tháng 7 năm 2011, MSC đã phát hành 102.941.176 cổ phiếu cho việc chia cổ tức bằng cổ phiếu.

Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn là khoản tiền gửi có kỳ hạn ban đầu trên ba tháng tính từ ngày giao dịch. Khoản tiền này bằng Đồng Việt Nam và hưởng lãi suất từ 8,5% to 13,6% một năm trong giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (2010: 11%).

Đầu tư vào các công cụ tài chính hưởng lãi suất 15% một năm với hạn mức 1 năm từ ngày giao dịch.

11. Lợi thế thương mại

	Triệu VNĐ
Nguyên giá	
Số dư đầu năm/số dư cuối kỳ	5.954
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	2.382
Phân bổ trong kỳ	298
Số dư cuối kỳ	2.680
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	3.572
Số dư cuối kỳ	3.274

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011
(tiếp theo)****12. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	30/06/2011 Triệu VNĐ	31/12/2010 Triệu VNĐ	30/06/2011 Triệu VNĐ	31/12/2010 Triệu VNĐ
Thuế thu nhập doanh nghiệp	133.292	104.132	5	5
Thuế giá trị gia tăng	11.870	25.378	-	-
Thuế xuất nhập khẩu	525	1.292	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	5.294	-	1.612	-
Thuế khác	3.415	22.040	1.312	1.355
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	154.396	152.842	2.929	1.360

13. Chi phí phải trả

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	30/06/2011 Triệu VNĐ	31/12/2010 Triệu VNĐ	30/06/2011 Triệu VNĐ	31/12/2010 Triệu VNĐ
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	137.199	192.374	-	-
Lãi vay phải trả	204.968	146.578	280.725	141.569
Chiết khấu hàng bán	25.494	51.362	-	-
Chi phí vận chuyển	31.949	25.516	-	-
Thưởng và lương tháng 13	10.214	18.163	-	712
Phí tư vấn	2.080	18.326	-	18.326
Thuế nhà thầu	23.040	15.367	22.278	14.805
Chi phí khác	75.967	35.152	11.749	255
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	510.911	502.838	314.752	175.667

14. Phải trả khác

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	30/06/2011 Triệu VNĐ	31/12/2010 Triệu VNĐ	30/06/2011 Triệu VNĐ	31/12/2010 Triệu VNĐ
Phải trả cho hoạt động tài chính	-	982.648	-	982.648
Phải trả khác	2.654	2.792	26	3
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	2.654	985.440	26	982.651

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

15. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Biến động dự phòng trợ cấp thôi việc trong giai đoạn sáu tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011 như sau:

	Tập đoàn 2011 Triệu VNĐ	Công ty 2011 Triệu VNĐ
Số dư đầu kỳ	4.552	-
Sử dụng dự phòng trong kỳ	(332)	-
Số dư cuối kỳ	4.220	-

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Tập đoàn và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Tập đoàn không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

16. Vốn cổ phần và thặng dư vốn

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/06/2011		31/12/2010	
	Số lượng cổ phiếu	Triệu VNĐ	Số lượng cổ phiếu	Triệu VNĐ
Vốn cổ phần được duyệt	515.272.269	5.152.723	515.272.269	5.152.723
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	515.272.269	5.152.723	515.272.269	5.152.723
Thặng dư vốn cổ phần	-	2.166.136	-	2.166.136

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 (tiếp theo)

Thặng dư vốn cổ phần là phần chênh lệch giữa giá bán và mệnh giá của các cổ phiếu được phát hành.

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VNĐ. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong giai đoạn sáu tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2011 như sau:

	2011		2010	
	Số lượng cổ phiếu	Triệu VNĐ	Số lượng cổ phiếu	Triệu VNĐ
Số dư đầu kỳ	515.272.269	5.152.723	485.399.820	4.853.998
Phát hành cổ phiếu mới bằng tiền mặt	-	-	29.872.449	298.725
Số dư cuối kỳ	515.272.269	5.152.723	515.272.269	5.152.723

17. Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác của chủ sở hữu phản ánh giá trị hợp lý của cổ phiếu của Công ty sẽ được phát hành sau khi mua tài sản liên quan đến công ty con và công ty liên kết. Giá trị hợp lý của các cổ phiếu này đã được tính tại ngày mua.

	Ngày phát hành	Số lượng cổ phiếu
Mua thêm 16% lợi ích kinh tế của Công ty Cổ phần Hàng Tiêu dùng Ma San	Ngày 24 tháng 6 năm 2014	88.411.350
Mua 15% lợi ích kinh tế của NPV	Ngày 15 tháng 10 năm 2012	22.629.310
Mua 16.334.402 trái phiếu chuyển đổi của Ngân hàng Techcombank	Ngày 30 tháng 6 năm 2012	43.353.045

18. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp được ghi trên hóa đơn không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011
(tiếp theo)

19. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	<u>Từ 1/1/2011</u> <u>đến</u> <u>30/06/2011</u> <u>Triệu VNĐ</u>	<u>Từ 1/1/2010</u> <u>đến</u> <u>30/06/2011</u> <u>Triệu VNĐ</u>	<u>Từ 1/1/2011</u> <u>đến</u> <u>30/06/2011</u> <u>Triệu VNĐ</u>	<u>Từ 1/1/2010</u> <u>đến</u> <u>30/06/2011</u> <u>Triệu VNĐ</u>
Thu từ lãi vay	451.474	130.875	147.827	75.847
Lãi chênh lệch tỷ giá	18.430	1.543	10.459	246
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	3.964	-	-
	<u>469.904</u>	<u>136.382</u>	<u>158.286</u>	<u>76.093</u>

20. Chi phí tài chính

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	<u>Từ 1/1/2011</u> <u>đến</u> <u>30/06/2011</u> <u>Triệu VNĐ</u>	<u>Từ 1/1/2010</u> <u>đến</u> <u>30/06/2010</u> <u>Triệu VNĐ</u>	<u>Từ 1/1/2011</u> <u>đến</u> <u>30/06/2011</u> <u>Triệu VNĐ</u>	<u>Từ 1/1/2010</u> <u>đến</u> <u>30/06/2010</u> <u>Triệu VNĐ</u>
Chi phí lãi vay	159.688	86.654	162.663	46.675
Lỗ do chênh lệch tỷ giá	31.160	9.979	28.690	-
Chi phí tài chính khác	3.917	41	3.917	-
	<u>194.765</u>	<u>96.674</u>	<u>195.270</u>	<u>46.675</u>

21. Thu nhập khác

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	<u>Từ 1/1/2011</u> <u>đến</u> <u>30/06/2011</u> <u>Triệu VNĐ</u>	<u>Từ 1/1/2010</u> <u>đến</u> <u>30/06/2010</u> <u>Triệu VNĐ</u>	<u>Từ 1/1/2011</u> <u>đến</u> <u>30/06/2011</u> <u>Triệu VNĐ</u>	<u>Từ 1/1/2010</u> <u>đến</u> <u>30/06/2010</u> <u>Triệu VNĐ</u>
Thu từ bán phế liệu	7.187	3.060	-	-
Thu từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	-	2.433	-	-
Thu khác	-	292	-	-
	<u>7.187</u>	<u>5.785</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011
(tiếp theo)

22. Chi phí khác

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	Từ 1/1/2011 đến 30/06/2011 Triệu VNĐ	Từ 1/1/2010 đến 30/06/2010 Triệu VNĐ	Từ 1/1/2011 đến 30/06/2011 Triệu VNĐ	Từ 1/1/2010 đến 30/06/2010 Triệu VNĐ
Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã thanh lý	9	3.237	-	-
Giá bán phế liệu	4.996	3.704	-	-
Chi phí khác	3.108	1.528	31	-
	8.113	8.469	31	-

23. Lợi nhuận từ công ty liên kết

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	Từ 1/1/2011 đến 30/06/2011 Triệu VNĐ	Từ 1/1/2010 đến 30/06/2010 Triệu VNĐ	Từ 1/1/2011 đến 30/06/2011 Triệu VNĐ	Từ 1/1/2010 đến 30/06/2010 Triệu VNĐ
Lợi nhuận từ công ty liên kết	331.373	148.913	-	-
Phân bổ lợi thế thương mại	(288.145)	(126.976)	-	-
	43.228	21.937	-	-

24. Chi phí thuế hiện hành

Chi phí thuế hiện hành của Tập đoàn cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 là 149.402 triệu VNĐ (2010: 39.240 triệu VNĐ)

25. Lãi trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông của Tập đoàn là 650.351 triệu VNĐ (30/06/2010: 336.469 triệu VNĐ) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 là 515.272.269 cổ phiếu (30/6/2010: 485.399.820 cổ phiếu).

Người lập:

Tạ Thị Thùy Trang
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch